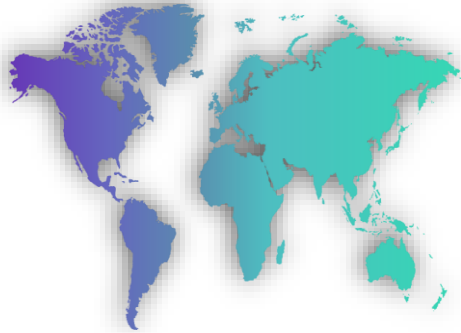




Thị trường thế giới



- ✓ Giá đường thế giới đi lên trong tháng qua do đồng đô la yếu và sản lượng đường giảm.
- ✓ Giá chè Ấn Độ tăng trong thời gian dài do điều kiện thời tiết không thuận lợi khiến nguồn cung sụt giảm và ảnh hưởng của tình trạng mất sản lượng ở Sri Lanka do bất ổn chính trị.
- ✓ Giá cà phê giảm do áp lực bán hàng vụ mới của các nước sản xuất và dự báo kinh tế thế giới tiếp tục suy thoái sẽ làm nhu cầu tiêu thụ cà phê sụt giảm.

TÌNH HÌNH CHUNG

Thị trường trong nước



- Giá tôm nguyên liệu cỡ lớn tại ĐBSCL trong tháng qua nhích nhẹ trong bối cảnh nguồn cung thấp.
- Giá chè biến động tăng với một số loại do nguồn cung ít.
- Giá lợn hơi trên cả nước giảm do nhu cầu tiêu thụ giảm.







### Thị trường thế giới

Trên thị trường thế giới, gạo xuất khẩu tại các nhà cung cấp hàng đầu châu Á tăng trong tháng qua. Giá gạo xuất khẩu của Thái Lan và Việt Nam đạt mức cao, do thương nhân kỳ vọng nguồn cung giảm cũng như nhu cầu tăng sẽ hỗ trợ giá vào cuối năm.

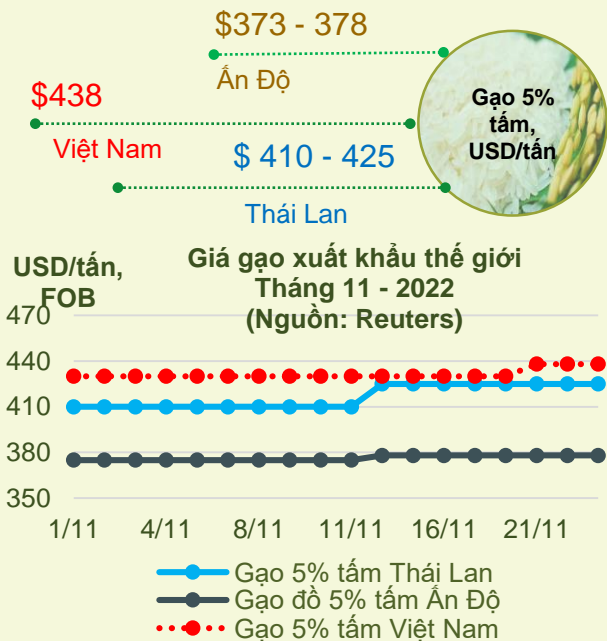
Tại Thái Lan, gạo tiêu chuẩn 5% tấm tăng kể từ đầu tháng 10/2022, ở mức 410 - 425 USD/tấn. Các thương nhân cho rằng biến động giá gạo là do tỷ giá hối đoái, trong khi nhu cầu ở nước ngoài ổn định và không có giao dịch lớn diễn ra.

Tại Ấn Độ, giá gạo của nhà xuất khẩu hàng đầu thế giới tăng lên 373 - 378 USD/tấn do nhu cầu tăng và Chính phủ tích cực thu mua để khuyến khích nông dân gia tăng sản lượng trong nước. Nguồn cung hạn chế dành cho các nhà xuất khẩu do chính phủ Ấn Độ đang tích cực mua lúa vụ mới từ nông dân.

Chính phủ Ấn Độ đã tăng giá thu mua lúa thường vụ mới từ nông dân lên 5,2%, mức tăng lớn nhất trong 5 năm qua, để khuyến khích nông dân tăng diện tích và sản lượng.

Tại Việt Nam, giá gạo xuất khẩu đạt 438 USD/tấn - mức cao nhất kể từ tháng 7/2021. Giá gạo tăng do các thương nhân kỳ vọng nguồn cung giảm trong bối cảnh nhu cầu tăng vào cuối năm. Nhu cầu từ các khách hàng châu Âu nhiều hơn, đặc biệt là đối với các loại gạo chất lượng cao, gạo thơm và các thị trường trọng điểm như Philippin và Trung Quốc, thế nhưng nguồn cung trong nước đang cạn kiệt.

Giá gạo trên thị trường nội địa Bangladesh vẫn tăng cao bất chấp mọi nỗ lực, bao gồm cả cấp phép nhập khẩu và cắt giảm thuế. Bộ Nông nghiệp Mỹ dự báo sản lượng gạo Bangladesh sẽ giảm 1% so với năm ngoái xuống còn 35,6 triệu tấn trong niên vụ 2022/23 do lũ lụt. Bangladesh vốn là nhà sản xuất gạo lớn thứ ba trên thế giới, thường nhập khẩu gạo để đối phó với tình trạng thiếu hụt do thiên tai.





Thị trường trong nước

Giá lúa tại các tỉnh ĐBSCL diễn biến tăng trong 20 ngày đầu tháng 11 và quay đầu giảm về cuối tháng.

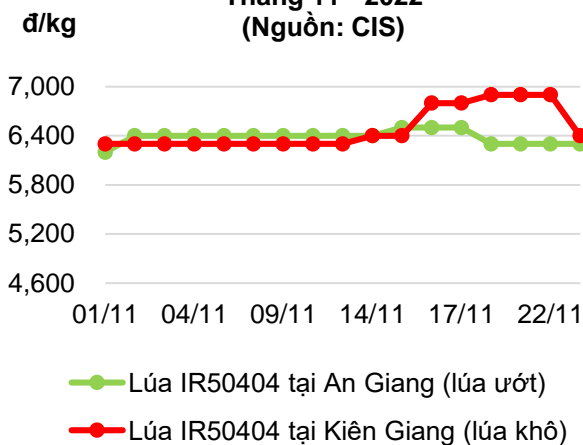
Tại An Giang, lúa IR50404 giữa tháng tăng lên 6.500 đồng/kg, và đến thời điểm hiện tại còn 6.300 đồng/kg; lúa chất lượng cao OM 5451 tăng 200 đồng/kg lên 6.500 đồng/kg và hiện ở mức 6.400 đồng/kg. Tại Kiên Giang, lúa IR50404 tăng 500 đồng/kg, từ 6.200 – 6.400 đồng/kg lên 6.800 – 7.000 đồng/kg; lúa OM 5451 tăng mạnh 900 đồng/kg lên 7.600 – 7.800 đồng/kg; lúa Đài thơm 8 tăng 1.000 đồng/kg lên 7.800 – 8.000 đồng/kg. Tại Vĩnh Long, lúa IR50404 đang có giá là 5.700 đồng/kg, không đổi trong suốt tháng qua.

Thị trường gạo các tỉnh miền Nam ổn định, với giá gạo thường IR50404 tại Vĩnh Long và An Giang giữ ở mức 11.000 đồng/kg và 11.500 đồng/kg; gạo jasmine ở các mức 15.000 đồng/kg và 14.000 đồng/kg. Gạo thơm Thái Lan tại Tp Hồ Chí Minh ở mức 22.000 đồng/kg, trong khi tại Vĩnh Long rẻ hơn 500 đồng/kg là 17.000 đồng/kg. Gạo tẻ thường và gạo Tài nguyên tại thị trường Tp Hồ Chí Minh có giá 14.000 đồng/kg và 20.000 đồng/kg.

Tại thị trường miền Bắc, giá bán buôn lúa Khang Dân tại Hà Nội ở mức 7.500 đồng/kg, gạo dao động trong khoảng 13.000 -14.000 đồng/kg; trong khi tại Hưng Yên rẻ hơn 3.000 – 4.000 đồng/kg là 10.500 đồng/kg. Tại Nam Định, thóc tạ giao 7.500 đồng/kg, gạo tạ giao 11.000 đồng/kg; gạo Bắc thơm 15.000 đồng/kg.

Năm 2022, thị trường xuất khẩu gạo Việt Nam gặp nhiều thuận lợi khi khách hàng mua gạo truyền thống là Philippin đã tăng nhập khẩu từ 2,9 triệu tấn lên 3,4 triệu tấn. Thị trường Trung Quốc cũng chuyển từ nhập khẩu nhỏ giọt từ đầu năm sang nhập khẩu với khối lượng lớn vào cuối năm. Một số quốc gia châu Âu có xu hướng nhập khẩu gạo nhiều

Giá lúa, gạo trong nước  
Tháng 11 - 2022  
(Nguồn: CIS)



hơn thay thế cho nguồn cung lúa mì bị sụt giảm mạnh vì chiến tranh Nga-Ucraina.

Theo số liệu thống kê, khối lượng gạo xuất khẩu tháng 11/2022 ước đạt 600 nghìn tấn với giá trị đạt 296 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo 11 tháng đầu năm 2022 đạt lần lượt 6,69 triệu tấn và 3,24 tỷ USD, tăng 16,3% về khối lượng và tăng 6,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Giá gạo xuất khẩu bình quân 11 tháng đầu năm 2022 ước đạt 485 USD/tấn, giảm 8,1% so với cùng kỳ năm 2021.

Trong 10 tháng đầu năm 2022, Philippin là thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam với 43% thị phần. Xuất khẩu gạo sang thị trường này đạt 2,74 triệu tấn và 1,27 tỷ USD, tăng 30,8% về khối lượng và tăng 18,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Thị trường có giá trị xuất khẩu gạo tăng mạnh nhất trong 10 tháng đầu năm 2022 là Bờ Biển Ngà (+66,3%). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu gạo giảm mạnh nhất là Bangladesh (-65%).







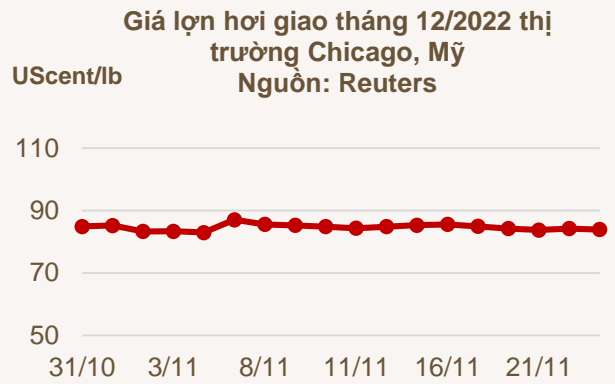
## Thị trường thế giới

Trên thị trường thế giới, giá lợn nạc giao tháng 12/2022 ở Chicago, Mỹ biến động giảm trong tháng qua với mức giảm 0,975 UScent/lb xuống mức 83,95 UScent/lb.

Theo số liệu của Rosstat, sản lượng thịt của Nga 10 tháng năm 2022 tăng 7,1% so với cùng kỳ năm 2021 và lên tới 2,75 triệu tấn. Sản lượng thịt gia súc, thịt lợn, thịt cừu, thịt dê, thịt ngựa và các loại thịt động vật khác trong tháng 10/2022 đạt 289,3 nghìn tấn, tăng 6% so với tháng 10/2021 và tăng 2,3 nghìn tấn so với tháng 9/2022.

Theo Rosstat, sản lượng thịt lợn hơi, ướp lạnh trong tháng 10/2022 lên tới 261,4 nghìn tấn, tăng 7,2% so với tháng 10/2021 và tăng 2,1% so với tháng 9/2022. Tính chung trong 10 tháng năm 2022, sản lượng thịt lợn hơi, ướp lạnh tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 2,5 triệu tấn.

Sản lượng thịt gia cầm ướp lạnh tháng 10/2022 đạt



Lợn nạc giao tháng 12/2022 thị trường Chicago

**83,95** UScent/lb ↓ - 0,975

286,9 nghìn tấn, tăng lần lượt 2,1% và 3,6% so với tháng 10/2021 và tháng 9/2022. Tính chung 10 tháng năm 2022, sản lượng thịt gia cầm ướp lạnh giảm 0,1% so với cùng kỳ năm 2021, xuống 2,8 triệu tấn.

## Thị trường trong nước

Trong tháng 11/2022, giá lợn hơi trên cả nước giảm do nhu cầu tiêu thụ giảm. Giá lợn hơi tại khu vực miền Bắc giảm với mức giảm 2.000 - 4.000 đồng/kg, dao động trong khoảng 52.000 - 56.000 đồng/kg. Theo đó, Hưng Yên tiếp tục là tỉnh có giá thu mua cao nhất khu vực với 56.000 đồng/kg. Các tỉnh Yên Bái, Lào Cai, Nam Định, Hà Nam và Ninh Bình đang giao dịch cùng mức là 52.000 đồng/kg - thấp nhất khu vực. Các địa phương còn lại có giá duy trì trong khoảng 53.000 - 55.000 đồng/kg.

Thị trường khu vực miền Trung, Tây Nguyên ghi nhận giá giảm 2.000 - 3.000 đồng/kg, dao động trong khoảng 51.000 - 55.000 đồng/kg. Cụ thể, thương lái tại hai tỉnh Đắk Lắk và Bình Thuận đang thu mua lợn hơi lần lượt với giá thấp nhất và cao nhất khu vực, tương ứng 51.000 đồng/kg và 55.000 đồng/kg. Lợn hơi tại ba tỉnh gồm Thanh Hóa, Quảng Ngãi và Lâm Đồng đang được thu mua cùng mức là 52.000 đồng/kg. Tỉnh Ninh Thuận ghi nhận mức giao dịch là 53.000 đồng/kg. Tại các địa phương còn lại, giá thu mua ở cùng mức 54.000 đồng/kg.

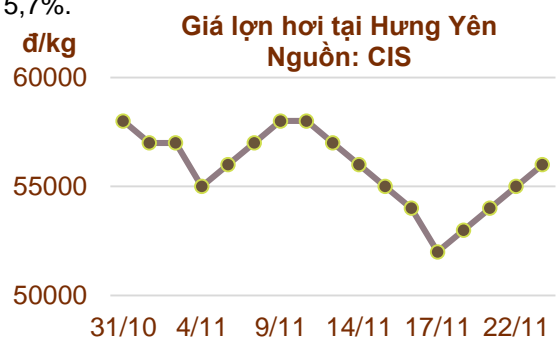
Tại miền Nam, giá lợn hơi giảm 1.000 - 2.000 đồng/kg, dao động trong khoảng 51.000 - 55.000 đồng/kg. Cụ thể, TP Cần Thơ ở mức 53.000 đồng/kg. Tỉnh Cà Mau ghi nhận giá thu mua cao nhất khu vực với 55.000 đồng/kg trong khi tỉnh Kiên Giang có giá thấp nhất khu vực với 51.000 đồng/kg. Tại các địa phương khác, thương lái đang giao dịch trong khoảng 52.000 - 54.000 đồng/kg.

Giá thu mua gà tại trại biến động tăng tại các vùng miền trong tháng 11/2022. Giá gà thịt lông màu ngắn ngày miền Bắc, miền Trung và miền Nam tăng 6.000 đồng/kg lên mức 37.000 - 38.000 đồng/kg.

Giá gà công nghiệp miền Trung và miền Nam tăng 1.000 đồng/kg lên mức 33.000 - 34.000 đồng/kg. Giá trứng gà miền Bắc, miền Trung giảm 450 - 550 đ/quả xuống mức 1.950 - 2.150 đồng/quả. Giá trứng gà miền Nam giảm 100 - 200 đồng/quả xuống mức 2.000 - 2.300 đồng/quả.

Theo số liệu thống kê, giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi tháng 11 năm 2022 ước đạt 31,7 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi 11 tháng đầu năm 2022 ước đạt 361,4 triệu USD, giảm 8,4% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, xuất khẩu sữa và sản phẩm sữa đạt 97,7 triệu USD, giảm 3,6%; thịt, phụ phẩm dạng thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của động vật đạt 101,2 triệu USD, tăng 0,1%.

Ước giá trị nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi tháng 11 năm 2022 đạt 275,2 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi 11 tháng đầu năm 2022 đạt 3,01 tỷ USD, giảm 3,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, giá trị nhập khẩu sữa và các sản phẩm sữa ước đạt 1,17 tỷ USD, tăng 7%; giá trị nhập khẩu của thịt, phụ phẩm dạng thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của động vật ước đạt 1,37 tỷ USD, tăng 5,7%.





### Thị trường thế giới

Do lạm phát, người tiêu dùng Mỹ đã hạn chế mua hải sản tươi sống trong 9 tháng đầu năm do giá tăng trung bình 10% lên 9,37 USD/pound. Điều này khiến doanh số của mặt hàng này giảm gần 20% về khối lượng, xuống còn 543,8 triệu pao, trong khi doanh thu bằng USD cũng giảm gần 10% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 5 tỷ USD.

Dữ liệu từ IRI OmniMarket Integrated Fresh, một công ty nghiên cứu thị trường có trụ sở tại Chicago, cho thấy doanh số bán cá tươi tăng 0,6% trong cùng kỳ, đạt 2,99 tỷ USD, trong khi tổng khối lượng giảm gần 15%. Việc tiêu thụ động vật có vỏ giảm rõ rệt hơn ở các hộ gia đình có thu nhập cao hơn và với nhóm nhân khẩu học Boomer và Gen X.

Nhưng có một mặt hàng vẫn tương đối mạnh, đó là cá hồi. Trong 52 tuần qua, cá hồi tiếp tục thống trị doanh số bán hàng và doanh thu bằng đô la đã đạt hơn 2 tỷ USD mỗi năm, tăng gần 8% so với năm trước. Sản lượng cá hồi đang giảm 4,8% so với cùng kỳ, nhưng nhu cầu vẫn tương đối mạnh. Ở Mỹ, cá hồi chiếm khoảng 2/3 tổng doanh số bán cá ướp lạnh và không có dấu hiệu giảm.

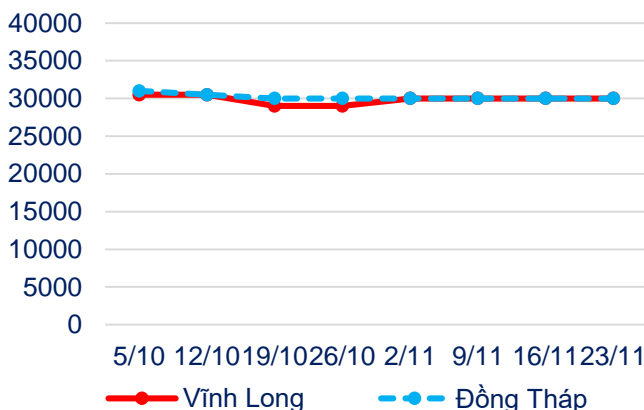
Theo IRI, khi kỳ nghỉ lễ đến gần và với báo cáo GDP khá khả quan mới đây, doanh số bán hàng được kỳ vọng sẽ phục hồi một chút khi giá bán lẻ ở mức hợp lý hơn vào dịp lễ Giáng sinh và năm mới.

### Thị trường trong nước

Giá cá tra nguyên liệu tại các tỉnh ĐBSCL trong tháng 11 nhìn chung trong mặt bằng giá 30.000 đồng/kg cho cá cỡ 800g-1kg. Các công ty lớn chủ yếu bắt cá trong hệ thống nhà cho các hợp đồng đã ký, ít giao dịch mới. Giá cá tra giống cỡ 28-35 con/kg tại hầu hết các địa phương thuộc ĐBSCL và Đông Nam Bộ tăng 5.000-6.000 đồng/kg so với tháng trước lên mức 37.000 – 39.000 đồng/kg. Các hộ nuôi và doanh nghiệp tìm mua giống trong khi nguồn giống cỡ lớn khoảng 30 con/kg còn tương đối ít đẩy giá thị trường tăng. Tăng trưởng xuất khẩu cá tra chậm lại, những tín hiệu thị trường không còn được tích cực như giai đoạn nửa đầu năm. Lạm phát khiến nhu cầu giảm dần qua từng tháng, nhất là tại các thị trường Mỹ, EU, Anh, thậm chí ở cả các thị trường vốn có lợi thế về thuế quan CPTPP hoặc lợi thế về địa lý.



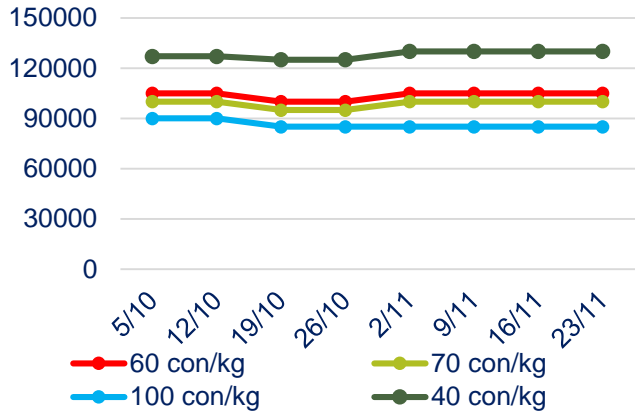
Giá cá tra thịt trắng nguyên liệu tại ĐBSCL (Nguồn: CIS – ĐVT: đ/kg)



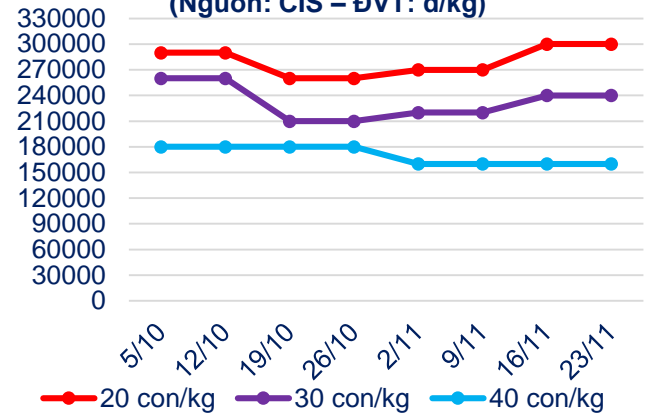




Giá tôm thẻ chân trắng ướp đá nguyên liệu tại Bạc Liêu (Nguồn: CIS – ĐVT: đ/kg)



Tôm sú ướp đá nguyên liệu tại Bạc Liêu (Nguồn: CIS – ĐVT: đ/kg)



Giá tôm nguyên liệu cỡ lớn tại ĐBSCL trong tháng qua nhích nhẹ sau khi giảm vào cuối tháng trước, các nhà máy chế biến mua hàng chậm trong bối cảnh nguồn cung thấp. Tại Bạc Liêu, giá trung bình tôm sú ướp đá cỡ lớn 20 và 30 con/kg hiện ở mức 300.000 đồng/kg và 240.000 đồng/kg, tăng 10.000 đồng/kg so với cuối tháng 10. Giá tôm thẻ ướp đá cỡ 40, 60, 70 con/kg lần lượt ở mức 130.000 đồng/kg, 105.000 đồng/kg, 100.000 đồng/kg, tăng 5.000 đồng/kg so với cuối tháng trước.

trị xuất khẩu thủy sản 11 tháng đầu năm 2022 đạt 10,14 tỷ USD, tăng 27% so với cùng kỳ năm 2021.

Hoa Kỳ, Nhật Bản, và Trung Quốc là 3 thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2022, chiếm 50% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Trong 10 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu thủy sản tăng tại tất cả các thị trường. Trong đó, thị trường có giá trị xuất khẩu thủy sản tăng mạnh nhất là Trung Quốc (+82,1%).

Theo Trung tâm Tin học và Thống kê, xuất khẩu cá tra trong tháng 11/2022 ước đạt 139 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu trong 11 tháng năm 2022 lên 2.187 triệu USD, tăng 61,9% so với cùng kỳ năm 2021. Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu trong tháng 11/2022 ước đạt 321 triệu USD. Lũy kế 11 tháng năm 2022, giá trị xuất khẩu tôm ước đạt 3.840 triệu USD, tăng 14,6% so với cùng kỳ năm ngoái.

Ước giá trị nhập khẩu mặt hàng thủy sản tháng 11 năm 2022 đạt 230 triệu USD, đưa tổng giá trị thủy sản nhập khẩu 11 tháng đầu năm 2022 đạt 2,5 tỷ USD, tăng 39,7% so với cùng kỳ năm 2021.

Nguồn nhập khẩu thủy sản trong 10 tháng đầu năm 2022 chủ yếu từ Ấn Độ (chiếm tỷ trọng 13,9%), Indônêxia (10,1%) và Na Uy (9%). So với cùng kỳ năm 2021, giá trị nhập khẩu thủy sản của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2022 từ Ấn Độ tăng 18,7%, Indônêxia (+100,7%) và Na Uy (+10,9%).

Theo số liệu thống kê, giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 11 năm 2022 ước đạt 750 triệu USD, đưa giá



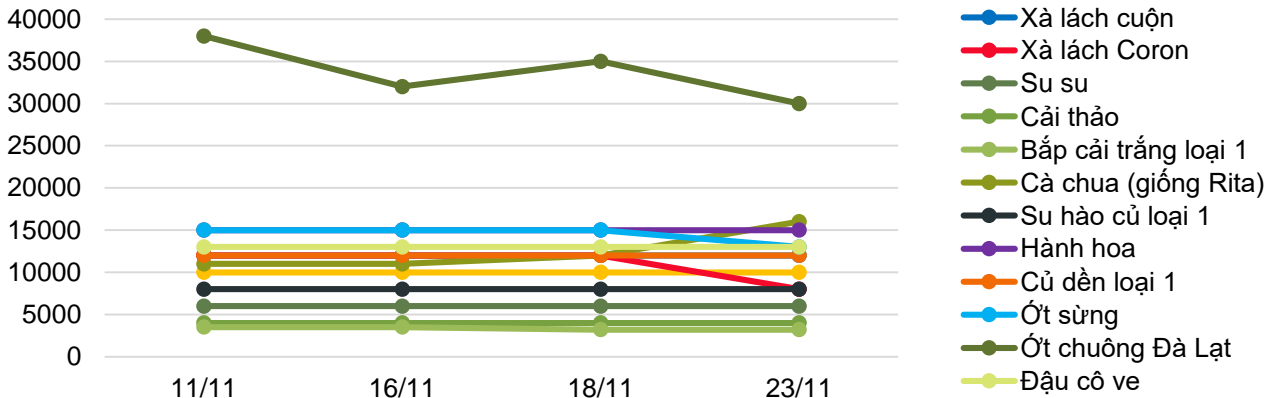


Thị trường trong nước

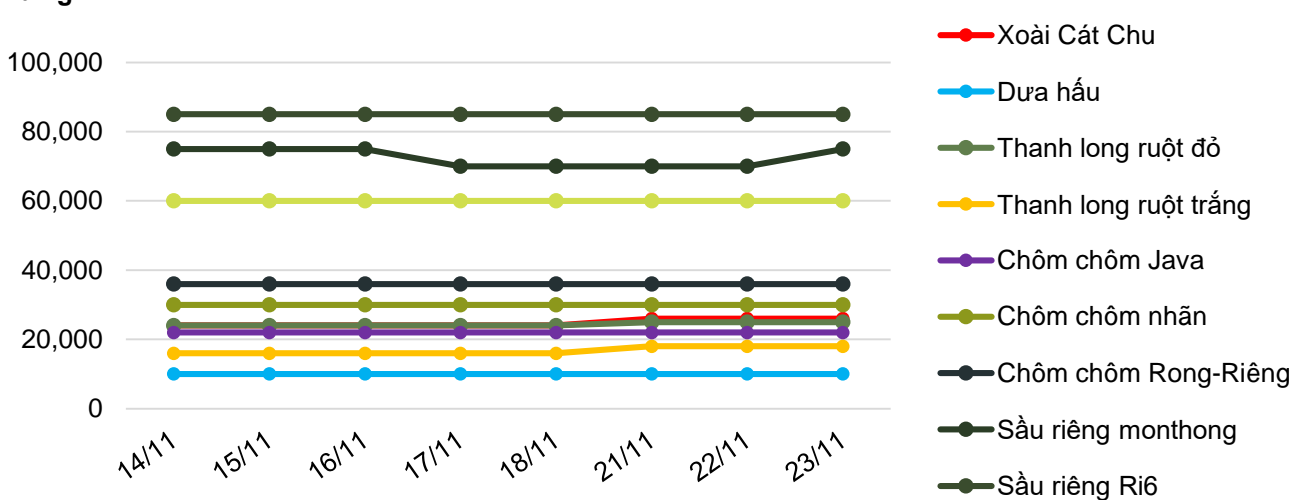
Tháng 11/2022, diễn biến thị trường trái cây biến động tương đối ổn định so với cuối tháng trước do nguồn cung tăng trở lại đối với một số loại quả. Cụ thể, tại tỉnh Tiền Giang, sầu riêng Monthong 75.000 đồng/kg, sầu riêng Ri6 85.000 đồng/kg; thanh long đỏ 22.000 đồng/kg; và thanh long trắng là 16.000 đồng/kg, chôm chôm nhãn 30.000 đồng/kg; chôm chôm Rong Riêng ở mức 35.000 đồng/kg; xoài dao động ở mức giá 65.000 đồng/kg và xoài Cát Chu ổn định ở mức 24.000 đồng/kg.

Tương tự, đối với mặt hàng rau củ, tại Lâm Đồng thị trường diễn biến tương cũng ổn định trong tháng. Cụ thể, giá các loại rau như cải thảo 4.000 đồng/kg; bắp cải 3.200 đồng/kg; su hào 8.000 đồng/kg, ớt sừng 15.000 đồng/kg; cà chua 11.000 đồng/kg; su su duy trì mức giá 6.000 đồng/kg, củ dền duy trì ở mức 12.000 đồng/kg. Tuy nhiên, mặt hàng ớt chuông giảm nhẹ so với đầu tháng, giảm 2.000 đồng/kg xuống mức giá 32.000 đồng/kg.

Giá một số loại rau củ tại Lâm Đồng (nguồn: CIS)



Giá một số loại quả tại Tiền Giang, tháng 11/2022 (nguồn: CIS)



Tình hình xuất nhập khẩu

Theo số liệu thống kê, giá trị xuất khẩu rau quả tháng 11 năm 2022 ước đạt 340 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu rau quả 11 tháng đầu năm 2022 đạt 3,09 tỷ USD, giảm 4,9% so với cùng kỳ năm 2021. Tính trong 10 tháng đầu năm 2022, Trung Quốc đứng vị trí thứ nhất về giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam với 43,9% thị phần, giá trị xuất khẩu đạt 1,21 tỷ USD, giảm 25,8% so với cùng kỳ năm 2021. Thị trường có giá trị xuất khẩu rau quả tăng mạnh nhất là Lào (gấp 3,6 lần). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu rau quả giảm mạnh nhất là Tiểu Vương Quốc ẢRập Thống nhất (-29,6%).

Trong khi đó, giá trị nhập khẩu mặt hàng rau quả tháng 11/2022 ước đạt 200 triệu USD, đưa tổng giá trị mặt hàng rau quả nhập khẩu 11 tháng đầu năm 2022 đạt 1,87 tỷ USD, tăng 38,9% so với cùng kỳ năm 2021. Chỉ tính trong 10 tháng đầu năm 2022, Trung Quốc (chiếm tỷ trọng 39,7%), Hoa Kỳ (16,7%) và Ôxtrâyliya (8,4%) là 3 thị trường cung cấp rau quả nhập khẩu lớn nhất cho Việt Nam. So với cùng kỳ năm 2021, giá trị nhập khẩu rau quả 10 tháng đầu năm 2022 từ Trung Quốc tăng 83,3%, Hoa Kỳ tăng 13,6% và Ôxtrâyliya tăng 17%.



## Thị trường thế giới

Giá đường thế giới đi lên trong tháng qua do đồng đô la yếu và sản lượng đường giảm. Ngày 9/11, Bộ Nông nghiệp Mỹ USDA cắt giảm 0,7% ước tính sản lượng đường năm 2022/23 của Mỹ xuống 9,086 triệu tấn so với ước tính tháng 10 là 9.154 triệu tấn, do sản lượng củ cải đường thấp hơn. Các dấu hiệu về sản lượng đường trong ngắn hạn ở Braxin nhỏ hơn cũng hỗ trợ cho giá. Ngày 10/11, Unica đã báo cáo sản lượng đường Trung Nam Braxin trong năm tiếp thị 2022/23 tính đến tháng 10 đã giảm 3,1% so với cùng kỳ xuống 30,281 triệu tấn.

Giá đường cũng được hỗ trợ sau khi Ấn Độ thông báo rằng họ sẽ cho phép xuất khẩu 6 triệu tấn đường trong niên vụ 2022/23. Theo Bloomberg, con số này thấp hơn nhiều so với hạn ngạch 2021/22 là 11,2 triệu tấn và thấp hơn hạn ngạch 8 triệu tấn mà chính phủ Ấn Độ đã xem xét trước đây do thặng dư đường của Ấn Độ lớn hơn dự kiến.

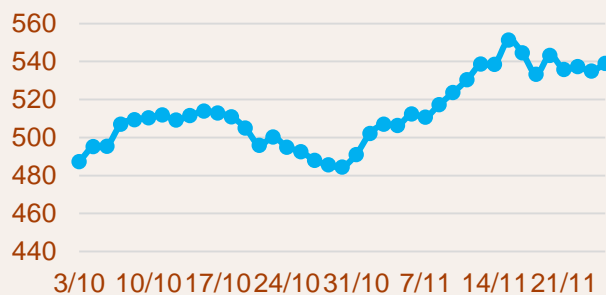
Ngoài ra, Thai Sugar Milliers Corp cho biết Thái Lan có thể lùi thời điểm bắt đầu vụ ép mía năm nay từ cuối tháng 11 sang đầu tháng 12 và cắt giảm ước tính sản lượng mía niên vụ 2022/23 của Thái Lan từ 110 triệu tấn xuống 105 triệu tấn. điều kiện thời tiết không thuận lợi.

Hai yếu tố kìm hãm đà tăng của giá đường là giá dầu thô giảm và sự suy yếu của đồng real Braxin. Giá dầu thô giảm hơn 4% vào ngày 17/11 dẫn đến giá đường thấp nhất trong 1 tháng. Giá dầu thô thấp

## Giá đường trắng kỳ hạn tháng 3/2023

Nguồn: Reuters

USD/tấn



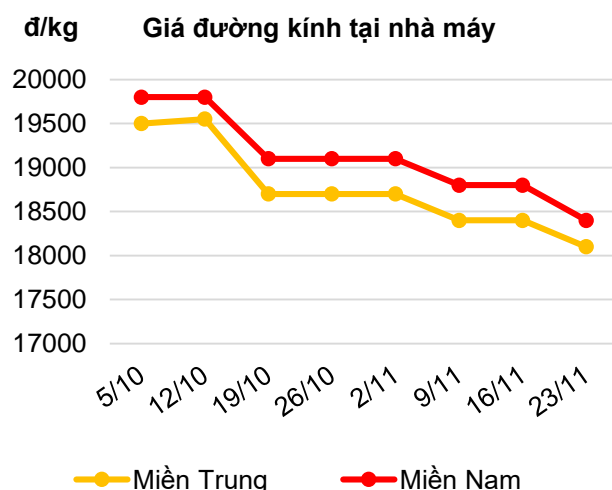
hơn làm giảm giá ethanol và có thể thúc đẩy các nhà máy đường của Braxin chuyển hướng ép mía sang sản xuất đường hơn là ethanol, do đó thúc đẩy nguồn cung đường. Đồng real yếu hơn khuyến khích các nhà sản xuất đường của Braxin bán hàng xuất khẩu.

Giá đường cũng chịu áp lực sau khi Tổ chức Hiệp hội các nhà sản xuất mía ở Braxin dự báo sản lượng đường của Braxin trong niên vụ 2022/23 là 36,9 triệu tấn do thời tiết thuận lợi và sản lượng sẽ đạt 37,2 triệu tấn trong niên vụ 2023/24.

Tính trung bình trong tháng 11, giá đường trắng kỳ hạn tháng 3/2023 trên sàn London tăng 4,3% so với tuần trước, đạt 541,3 USD/tấn. Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2023 tại sàn New York tăng 4,9% so với tuần trước, đạt 19,95 UScent/lb.

## Thị trường trong nước

Thị trường đường nội địa âm ảm đạm trong suốt tháng, giao dịch chậm, đường tiêu ngạch về ít hơn tháng trước. Tại miền Trung, đường RS An Khê tại nhà máy trung bình ở mức 18.400 đồng/kg, giảm 700 đồng/kg so với tháng trước. Tại miền Nam, giá đường RS An Khê ở mức 18.775 đồng/kg, giảm 675 đồng/kg.



VSSA ước tính tổng cung đường năm 2022 là 2,8 triệu tấn lớn hơn tổng cầu trong khoảng 2,1 - 2,3 triệu tấn nên cân đối cung cầu đường sẽ là thừa cung cho cả năm 2022. Giá đường tại thị trường Việt Nam những tháng cuối năm sẽ tiếp tục ở mức tương đương và thấp hơn so với giá đường của các quốc gia trồng mía lân cận (Trung quốc, Indonesia, Phillipin).

Trong tháng 10/2022, ngành đường Việt Nam đã bắt đầu niên vụ sản xuất mới và đang trong giai đoạn chuẩn bị vào vụ ép 2022-2023. Nhiều nhà máy dự kiến bắt đầu ép mía từ cuối tháng 11 trở đi. Một số doanh nghiệp đã công bố giá thu mua mía nguyên liệu cho vụ ép 2022-2023. Năng suất mía niên vụ 2022-2023 được dự đoán tăng hơn so với các vụ trước. Trong đó, năng suất mía tại miền Trung ước đạt khoảng 65-70 tấn/ha, mía được đánh giá khá đẹp. Tuy nhiên, tại miền Tây vùng nguyên liệu mía bị thu hẹp, một số đơn vị dự kiến không có đủ mía để chạy trong toàn vụ.





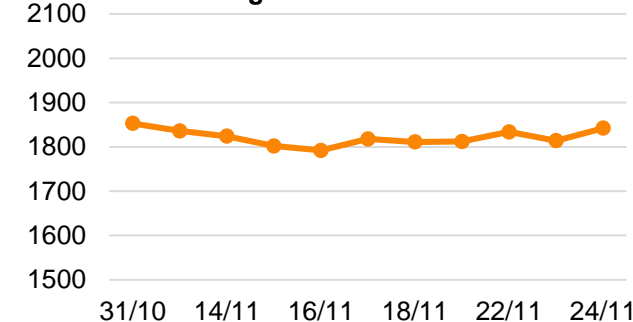
Thị trường thế giới

Trong tháng 11/2022, giá cà phê thế giới biến động giảm. Cụ thể, giá cà phê Robusta giao tháng 1/2023 tại thị trường London giảm 11 USD/tấn xuống mức 1.842 USD/tấn. Giá cà phê giảm do áp lực bán hàng vụ mới của các nước sản xuất và dự báo kinh tế thế giới tiếp tục suy thoái sẽ làm nhu cầu tiêu thụ cà phê sụt giảm.

Thị trường lo ngại tiêu thụ sụt giảm làm giảm sức mua. Thông tin Trung Quốc tái lập chính sách "Zero covid" không thân thiện với thị trường cũng góp phần làm giá cả hàng hóa duy trì xu hướng tiêu cực. Lạm phát và lãi suất tăng mạnh ở các thị trường tiêu thụ chính là động lực kéo giá cà phê kỳ hạn tiếp tục sụt giảm, dòng vốn đầu cơ tiếp tục chảy về Trái phiếu kho bạc Mỹ dài hạn do có mức lợi nhuận hấp dẫn hơn.

Theo báo cáo của Bộ phận Nông nghiệp Nước ngoài (FAS) trực thuộc Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), Colombia nhà sản xuất và xuất khẩu cà phê Arabica chế biến ướt chất lượng cao hàng đầu thế giới trong niên vụ cà phê mới 2022/2023 chỉ sản xuất được 12,6 triệu bao, giảm 3,1% so với dự báo trước đó, do mưa quá nhiều trong mùa thu hoạch hiện nay. Lưu ý, nếu Colombia mưa nhiều sẽ gây khô hạn cho các vùng cà phê chính của Brazil ở bên kia dãy Andes.

Giá Robusta kỳ hạn giao tháng 1/2023 thị trường London Nguồn: Reuters



Cà phê Robusta giao tháng 1/2023 tại thị trường London

1.842 USD/tấn ↓ - 11

Dự báo thời tiết sẽ gây mưa nhiều cho các nước sản xuất cà phê trên vành đai Thái Bình Dương cho tới tháng Hai năm sau, trong khi hiện tượng thời tiết La Niña đã được dự báo cũng không chắc chắn xảy ra, khiến thị trường đang tập trung theo dõi, vì lo ngại khô hạn ở các vùng cà phê phía đông nam Brazil.



Thị trường trong nước

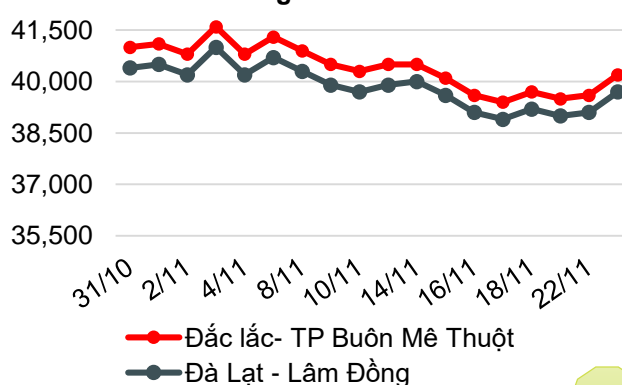
Thị trường cà phê trong nước biến động giảm cùng xu hướng thị trường cà phê thế giới. Giá cà phê với nhân xô các tỉnh Tây Nguyên hiện ở mức 39.700 – 40.200 đồng/kg, giảm 800 - 900 đồng/kg so với tháng trước.

Mạng lưới Nông nghiệp Nước ngoài (FAS) trực thuộc Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) ước tính niên vụ cà phê 2022/2023 Việt Nam sẽ xuất khẩu khoảng 27,65 triệu bao, thấp hơn một chút so với 27,7 triệu bao đã xuất khẩu trong niên vụ 2021/2022 trước đó. Các thương nhân quốc tế cũng cho rằng nông dân Việt Nam hiện đã thu hoạch ước khoảng 38% sản lượng vụ mới, cao hơn mức trung bình 5 năm là 30%, nhưng không dễ để mua được hàng do nhà nông sẽ không bán ở vùng giá thấp vì họ sẽ thua lỗ. Dự báo thời tiết vùng cà phê Tây Nguyên có nhiều mây và những cơn mưa rải rác kéo dài gây cản trở việc thu hoạch và phơi sấy cà phê vụ mới, sẽ khiến nguồn cung cho thị trường xuất khẩu chậm lại.

Theo số liệu thống kê, xuất khẩu cà phê tháng 11 năm 2022 ước đạt 110 nghìn tấn với giá trị đạt 267 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cà phê 11 tháng đầu năm 2022 đạt 1,54 triệu tấn và 3,55 tỷ USD, tăng 10,2% về khối lượng và tăng 31,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Giá cà phê xuất khẩu bình quân 11 tháng đầu năm 2022 ước đạt

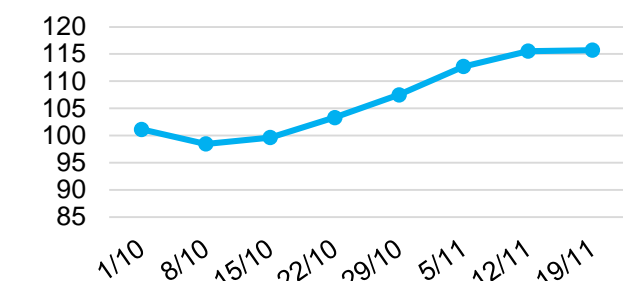
2.309 USD/tấn, tăng 19,4% so với cùng kỳ năm 2021. Trong 10 tháng đầu năm 2022, Đức, Italia và Hoa Kỳ 3 thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam với thị phần lần lượt là 11,6%, 7,8% và 7,2%. Thị trường có giá trị xuất khẩu cà phê tăng mạnh nhất là Bỉ (gấp 2,7 lần), Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu cà phê giảm mạnh nhất là thị trường Malaysia và Angieri (-13,3%).

Giá cà phê với nhân xô các tỉnh Tây Nguyên Nguồn: CIS



## Thị trường thế giới

**Giá chè trung bình tại các phiên đấu giá của Hiệp hội Thương mại Chè Coonoor, Ấn Độ (Nguồn: TBI)**

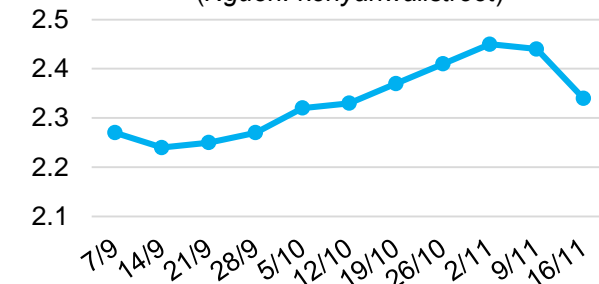


Tại Ấn Độ, giá chè trung bình tại phiên đấu giá của Hiệp hội Thương mại chè Coonoor, Ấn Độ (CTTA) trong tháng 11 tiếp tục xu hướng tăng kể từ tháng 7, đạt 114,65 Rs/kg, tăng 12,38% so với tháng 10. Giá tăng đột biến trong thời gian dài do điều kiện thời tiết không thuận lợi khiến nguồn cung sụt giảm và ảnh hưởng của tình trạng mất sản lượng ở Sri Lanka do bất ổn chính trị.

Theo Hiệp hội Chè Ấn Độ (ITA), xuất khẩu chè từ Ấn Độ dự kiến sẽ tăng lên khoảng 230 triệu kg trong năm dương lịch này từ mức 196 triệu kg năm ngoái nhờ thị trường xuất khẩu tăng lên và Sri Lanka mất mùa. Ấn Độ đã xâm nhập vào các thị trường mới như Syria, Libya và Thổ Nhĩ Kỳ, v.v. trong năm 2022.

Sri Lanka chiếm khoảng một nửa thương mại toàn cầu về chè orthodox. Sự vắng mặt của Sri Lanka

**Giá chè trung bình tại Trung tâm đấu giá Mombasa (Nguồn: kenyanwallstreet)**



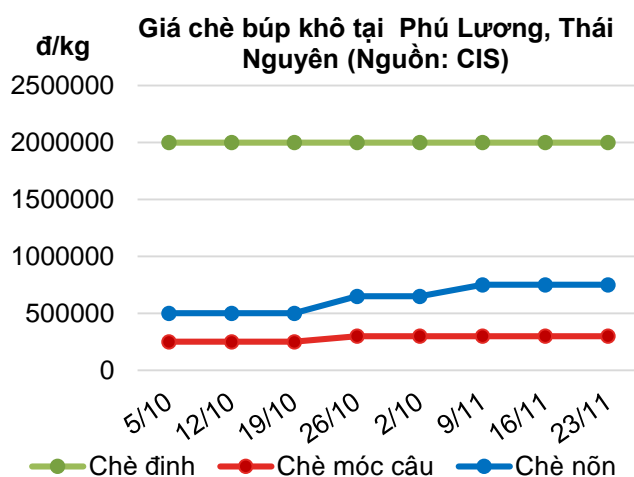
trên thị trường do bất ổn chính trị trong nước đã giúp Ấn Độ trở thành quốc gia tiêu thụ chè orthodox. Giá chè orthodox của Ấn Độ tăng 20-25% so với năm ngoái.

Giá tại phiên đấu giá chè Mombasa hàng tuần cũng có xu hướng tăng nhẹ, với một kg trung bình đạt 2,41 USD, tăng từ 2,35 USD trong tháng 10 do đồng đô la mạnh, hứa hẹn nông dân sẽ tiếp tục thu nhập cao hơn trong năm nay do nhu cầu trên thị trường xuất khẩu vẫn ổn định.

Giá chè tại phiên đấu giá đã có xu hướng tăng trong bảy tuần qua và chỉ giảm trong 2 tuần gần đây. Giá thấp hơn được cho là do nhu cầu từ người mua giảm do những khó khăn kinh tế ở Pakistan và chiến tranh Nga-Ukraine dẫn đến những thách thức về hậu cần.

## Thị trường trong nước

Giá chè biến động tăng với một số loại do nguồn cung ít. Tại vùng chè Phú Lương, Thái Nguyên, giá chè búp khô (chè đĩnh) giữ mức 2.000.000 đồng/kg; giá chè móc câu 300.000 đồng/kg, tăng 30.000 đồng/kg so với tháng trước; chè nõn 750.000 đồng/kg, tăng 190.000 đồng/kg. Mùa này chè sinh trưởng chậm hơn, lúa dài ngày hơn, năng suất thấp nhưng chất lượng cũng ngon hơn



nên được giá. Thời điểm này, nông dân trồng chè ở Thái Nguyên đang bắt đầu các khâu chuẩn bị cho vụ chè đông. Theo người trồng, tuy năng suất chè vụ đông không cao nhưng nếu nắm chắc các kỹ thuật chăm sóc, chất lượng, giá trị sản phẩm có thể gấp từ 2-3 lần so với chè chính vụ.

Theo số liệu thống kê, khối lượng xuất khẩu chè tháng 11 năm 2022 ước đạt 15 nghìn tấn với giá trị đạt 24 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị xuất khẩu chè 11 tháng đầu năm 2022 đạt 121 nghìn tấn và 204 triệu USD, tăng 5,5% về khối lượng và tăng 5,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Giá chè xuất khẩu bình quân 11 tháng đầu năm 2022 ước đạt 1.681 USD/tấn, giảm 0,3% so với cùng kỳ năm 2021.

Trong 10 tháng đầu năm 2022, khối lượng chè xuất khẩu sang Pakistan – thị trường lớn nhất của Việt Nam với 45,5% thị phần, tăng 29,5% về khối lượng và tăng 22,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.





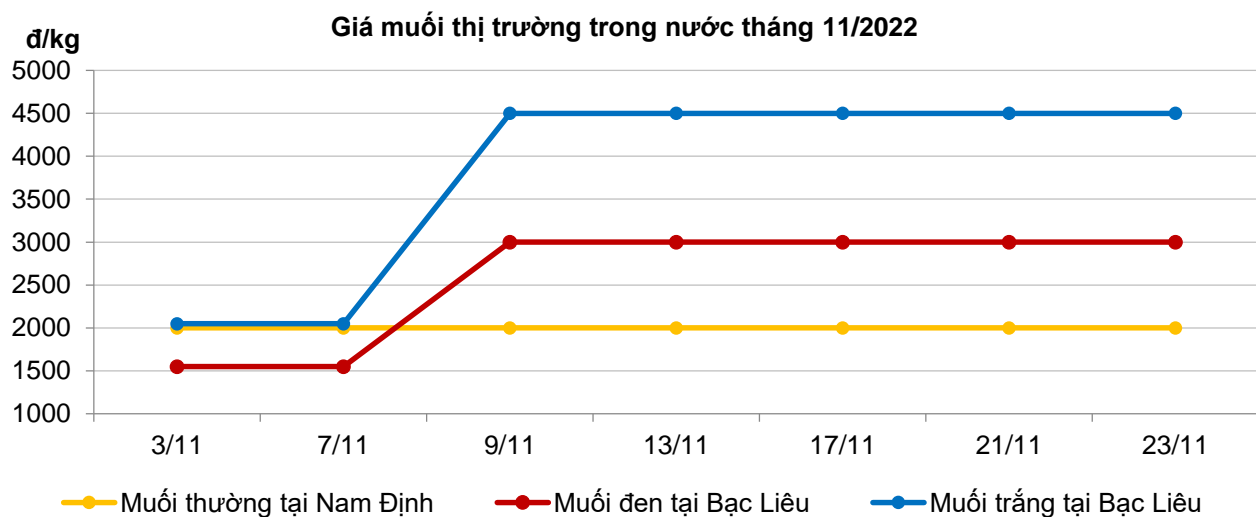
## Thị trường trong nước

Diện tích trồng muối tính đến tháng 11/2022 cả nước đạt 10.963 ha, trong đó diện tích muối thủ công đạt 7.400 ha, diện tích muối công nghiệp đạt 3.563 ha. Do ảnh hưởng bởi tình hình thời tiết, mưa nhiều, sản lượng muối đạt khoảng 690.109 tấn. Lượng muối tồn trong diêm dân và một số doanh nghiệp sản xuất khoảng 96.725 tấn, trong đó miền Bắc tồn 15.722 tấn, miền Trung tồn 79.949 tấn, miền Nam Bộ tồn 1.053 tấn. Giá muối miền Bắc giao động từ 1.800 – 3.500 đồng/kg tùy từng loại. Miền Trung, giá muối thủ công từ 1.200 – 3.800 đồng/kg, muối công nghiệp từ 950 – 3.500 đồng/kg. Miền Nam từ 1.200 – 3.200 đồng/kg.

Theo hệ thống giá của Trung tâm Tin học và Thống kê thu thập báo giá tại các địa phương, giá muối

tháng 11 tại miền Bắc có biến động giảm nhẹ, cụ thể giá muối Nam Định tháng 11/2022 có giá 2.000 đồng/kg, giảm 100 đồng/kg so với tháng 10/2022. Giá muối Bạc Liêu biến động tăng cao, cụ thể giá muối trắng đầu tháng ở mức 2.050 đồng/kg, giữa tháng tăng cao lên 4.500 đồng/kg. Muối đen Bạc Liêu đầu tháng ở mức 1.500 – 1.600 đồng/kg, cuối tháng giá tăng cao lên 2.500 - 3.500 đồng/kg do lượng muối tồn của người dân hết và nhu cầu tiêu dùng tăng cao.

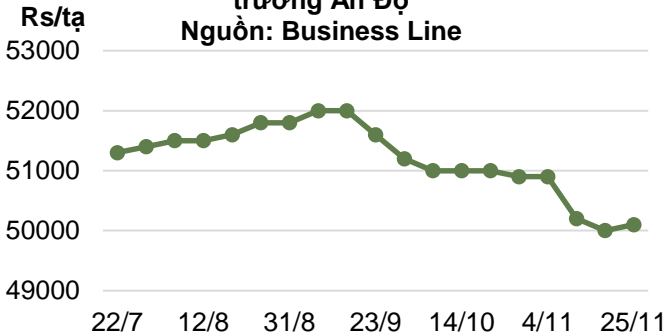
Theo số liệu thống kê, tháng 11 năm 2022 giá trị xuất khẩu muối ước đạt 4,5 triệu USD, tăng 66,8%, giá trị nhập khẩu muối ước đạt 37,8 triệu USD, tăng 114,4%.



## Thị trường thế giới

Trong tháng 11/2022, giá tiêu giao ngay của Ấn Độ giảm 800 Rs/tạ xuống mức 50.100 Rs/tạ. Tiêu đen Lampung (Indonesia) ở mức 3.798 USD/tấn, tăng 121 USD/tấn. Tiêu đen Brazil ASTA 570 ở mức 2.625 USD/tấn, tăng 150 USD/tấn. Tiêu đen Kuching (Malaysia) ASTA ở mức 5.100 USD/tấn, không đổi so với cuối tháng 10/2022.

**Giá tiêu giao ngay trên sàn Kochi, thị trường Ấn Độ**  
Nguồn: Business Line



Theo Hiệp hội Xúc tiến Hồ tiêu Kampot (KPPA), xuất khẩu tiêu Kampot của Campuchia từ đầu năm đến nay giảm hơn 50% so với cùng kỳ năm ngoái, khiến lượng hàng dự trữ cao hơn. Trong vài năm qua, giá tiêu Kampot vẫn giữ nguyên, ở mức 15 USD/kg đối với tiêu đen, 25 USD/kg đối với tiêu đỏ và 28 USD/kg đối với tiêu trắng. Theo Liên đoàn Hạt tiêu và Gia vị Campuchia (CPSF), xuất khẩu hạt tiêu giảm là do đơn đặt hàng nước ngoài giảm khi cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã kéo giá loại gia vị này đi xuống. Cụ thể, giá tiêu thông thường đã giảm xuống mức trung bình là 11.000 riel/kg (tương đương 2,64 USD/kg) từ khoảng 15.000 - 16.000 riel/kg trong cùng kỳ năm ngoái. Các vấn đề về giá và nhu cầu đã khiến xuất khẩu hạt tiêu năm nay giảm mạnh.

## Thị trường trong nước

Tại thị trường trong nước, giá hạt tiêu tăng 2.000 – 2.500 đồng/kg. Tại Bà Rịa Vũng Tàu, giá tiêu ở mức 61.500 đồng/kg. Tại Đắk Lắk, Đắk Nông, giá tiêu 60.000 đồng/kg. Tại Đồng Nai và Gia Lai, giá tiêu dao động từ 58.500 – 59.000 đồng/kg.

Hạt tiêu là sản vật nổi tiếng của tỉnh Đắk Nông. Đây là một trong những địa phương có sản lượng hồ tiêu lớn nhất cả nước với 60.000 tấn/năm trên diện tích 33.591ha. Đắk Nông cũng là một trong những địa phương dẫn đầu phong trào sản xuất hồ tiêu sạch, an toàn. Chất lượng hạt tiêu Đắk Nông có được là nhờ điều kiện tự nhiên đặc thù và kỹ thuật chăm sóc của người dân nơi đây. Nhờ phát triển trên nền đất đỏ bazan màu mỡ nên thành phần khoáng có trong hạt tiêu Đắk Nông cao hơn so với các vùng trồng tiêu khác. Nơi đây lại có tổng lượng mưa trung bình năm ở mức cao, thời gian mưa kéo dài từ 7 đến 8 tháng (dài hơn các vùng khác từ 2 đến 3 tháng) là điều kiện lý tưởng để phát triển kích thích hạt tiêu. Thời điểm thu hoạch tiêu Đắk Nông từ tháng 1 đến tháng 4 hằng năm, cũng là giai đoạn có nhiệt độ dao động từ 23 đến 25 độ C, số giờ nắng cao, độ ẩm thấp, tạo nên màu sắc đặc thù của hạt tiêu đen và hạt tiêu đỏ Đắk Nông.

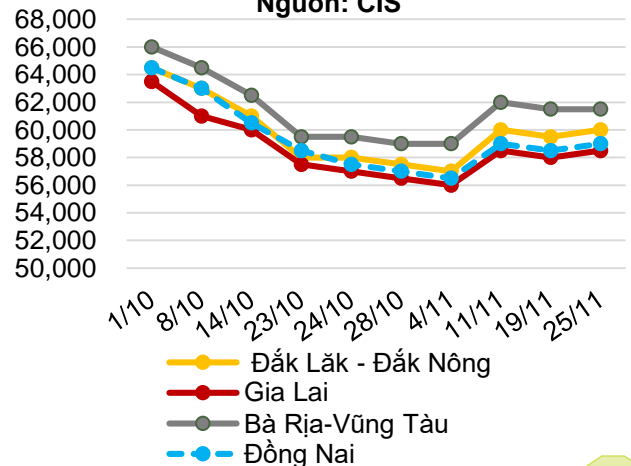
Chất lượng hạt tiêu Đắk Nông có được còn bởi phương thức sản xuất của người nông dân trồng tiêu nơi đây. Từ cách chọn giống đến kỹ thuật trồng, chăm sóc theo hướng hữu cơ, thuận tự nhiên, bền vững đã tạo nên chất lượng đặc trưng cho sản phẩm hạt tiêu Đắk Nông.

Theo số liệu thống kê, khối lượng tiêu xuất khẩu tháng 11 năm 2022 ước đạt 16 nghìn tấn, với giá trị đạt 58 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu tiêu 11



tháng đầu năm 2022 đạt 208 nghìn tấn và 895 triệu USD, giảm 15,4% về khối lượng nhưng tăng 3,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Giá tiêu xuất khẩu bình quân 11 tháng đầu năm 2022 ước đạt 4.300 USD/tấn, tăng 22% so với cùng kỳ năm 2021. Các thị trường xuất khẩu tiêu lớn nhất của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2022 là Hoa Kỳ, TVQ Arập Thống Nhất và Ấn Độ với 41,3% thị phần. Trong 10 tháng đầu năm 2022, thị trường có giá trị xuất khẩu tiêu tăng mạnh nhất là Nhật Bản (+96%); thị trường giảm mạnh nhất là Pakistan (-55%).

**Giá hạt tiêu đen xô tại một số tỉnh**  
Nguồn: CIS







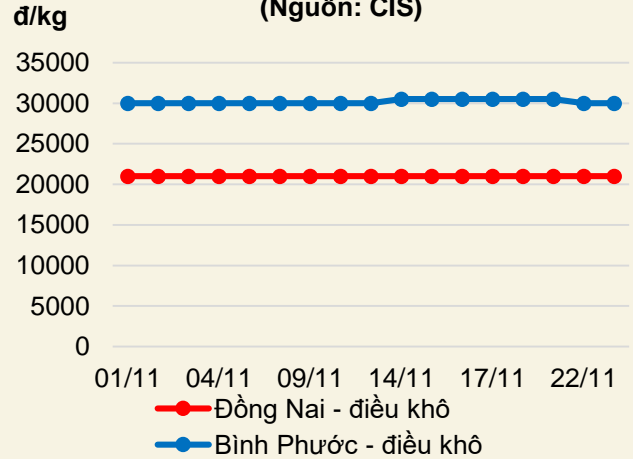
Thị trường trong nước

Trong tháng 11, giá điều nguyên liệu tiếp tục tăng nhẹ tại Bình Phước và bình ổn tại Đồng Nai. Trong đó, hạt điều khô tại Bình Phước ở mức 30.500 đồng/kg, 500 đồng/kg so với đầu tháng. Tại Đồng Nai, hạt điều khô mua xô vẫn neo ở mức 21.000 đồng/kg, không thay đổi từ 2 tháng nay.

Các chuyên gia dự báo thị trường các nước thuộc Liên minh châu Âu (EU) còn nhiều dư địa để phát triển nhờ tính ổn định, rất ít biến động, một phần cũng do hạt điều Việt Nam là sản phẩm chất lượng cao. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp xuất khẩu trong nước nên tận dụng lợi thế của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) nên việc xuất khẩu hạt điều của Việt Nam qua các nước thuộc EU có nhiều triển vọng.

Theo số liệu thống kê, khối lượng hạt điều xuất khẩu tháng 11/2022 ước đạt 80 nghìn tấn với giá trị 458 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu hạt điều 11 tháng đầu năm 2022 đạt 505 nghìn tấn và 3 tỷ USD, giảm 5% về khối lượng và giảm 10,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Giá hạt điều xuất khẩu bình quân 11 tháng đầu năm 2022 ước đạt 5.948 USD/tấn, giảm 5,4% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Hoa Kỳ, Trung Quốc và Hà Lan là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam chiếm thị phần lần lượt là 27,5%, 14% và 9,7% tổng giá trị xuất khẩu hạt điều. Trong 10 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu điều tăng mạnh nhất tại thị trường Ả-rập Xê-út (+46,8%). Ngược lại, thị

Giá điều khô trong nước tháng 11 - 2022 (Nguồn: CIS)



trường có giá trị xuất khẩu điều giảm mạnh nhất là Canada (-29,3%).

Khối lượng hạt điều nhập khẩu tháng 11/2022 ước đạt 80 nghìn tấn với giá trị nhập khẩu ước đạt 103,5 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu hạt điều 11 tháng đầu năm 2022 đạt 1,81 triệu tấn và 2,57 tỷ USD, giảm 35,3% về khối lượng và giảm 36,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Campuchia, Bờ Biển Ngà và Gana là 3 thị trường cung cấp hạt điều chính cho Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2022 với 73,5% thị phần. Giá trị nhập khẩu hạt điều trong 10 tháng đầu năm 2022 từ 3 thị trường này đều giảm so với cùng kỳ năm 2021, mức giảm lần lượt là: 41,6%, 31,4% và 36%.



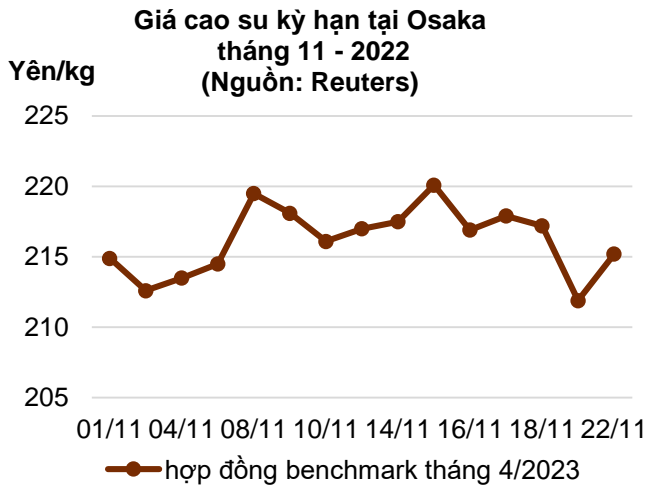


## Thị trường thế giới

Giá cao su Thị trường cao su châu Á có xu thế tăng trong tháng qua. Cụ thể, giá cao su trên Sàn giao dịch Osaka (Nhật Bản) ngày 15/11 tăng mạnh theo đà tăng của giá dầu thô trên Sàn giao dịch hàng hóa New York cộng thêm tâm lý tích cực được hỗ trợ bởi việc Trung Quốc nới lỏng các hạn chế liên quan đến kiểm dịch. Giá cao su hợp đồng benchmark kỳ hạn giao tháng 4/2023 đạt mức cao 220,1 yên/kg. Sau đó, giá cao su Nhật Bản giảm trở lại, chỉ còn 215,2 yên/kg vào cuối phiên 22/11.

Giá cao su kỳ hạn tháng 1/2023 trên sàn Thượng Hải (Trung Quốc) ngày 24/11 ở mức 12.790 Nhân dân tệ/tấn, tăng 810 Nhân dân tệ (tương đương 6,8%) so với đầu tháng.

Giá cao su kỳ hạn tháng 12/2022 trên sàn SICOM (Singapore) ngày 16/11 ở mức 129,8 US cent/kg, tăng nhẹ 6,7 UScent so với đầu tháng.



## Thị trường trong nước

Giá thu mua mủ tự nhiên tại Bình Phước những ngày đầu tháng 11 tăng nhẹ lên 265 đồng/độ, về cuối tháng quay đầu giảm xuống còn 260 đồng/độ. Trong khi đó, giá mủ cao su dạng nước tại Đồng Nai tiếp tục giữ vững mức 10.500 đồng/kg.

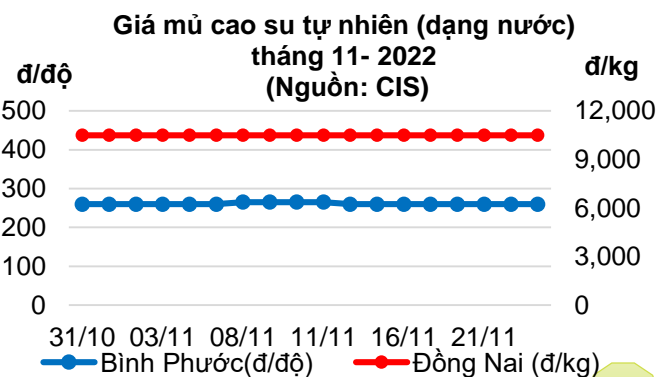
Giá thu mua cao su của nhà máy cũng diễn biến tăng nhẹ trong tháng, song vẫn ở mức thấp, dao động từ 230 – 275 đồng/độ tùy từng nhà máy, tăng 5 đồng/độ so với tháng 10. Giá thu mua của Công ty cao su Phú Riềng (Bình Phước) ở mức 265 - 275 đồng/TSC, tăng 5 đồng/TSC so với cuối tháng 10/2022; Công ty cao su Phước Hòa (Bình Dương) giữ ở mức 271 - 275 đồng/TSC; Công ty cao su Mang Yang (Gia Lai) thu mua với giá 230 - 240 đồng/TSC.

Theo số liệu thống kê, ước khối lượng xuất khẩu cao su tháng 11/2022 đạt 240 nghìn tấn với giá trị đạt 328 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cao su 11 tháng đầu năm 2022 đạt 1,86 triệu tấn và 2,93 tỷ USD, tăng 9,1% về khối lượng và tăng 3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao su xuất khẩu bình quân 11 tháng đầu năm 2022 ước đạt 1.578 USD/tấn, giảm 5,6% so với cùng kỳ năm 2021.

Trong 10 tháng qua, Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt

Nam, chiếm thị phần lần lượt là 69,5%, 7,1% và 2,6%. Giá trị xuất khẩu cao su tăng mạnh nhất tại thị trường Nga với mức tăng 44,4% so với cùng kỳ năm 2021. Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu cao su giảm mạnh nhất là Tây Ban Nha (-39,3%).

Ước khối lượng nhập khẩu cao su tháng 11/2022 đạt 220 nghìn tấn với giá trị đạt 265 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu cao su 11 tháng đầu năm 2022 đạt gần 2,03 triệu tấn và 2,93 tỷ USD, tăng 10,1% về khối lượng và tăng 13,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Campuchia (chiếm 47,9% thị phần), Hàn Quốc (10,5%) và Trung Quốc (9,4%) là 3 thị trường cung cấp cao su chính cho Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2022. So với cùng kỳ năm 2021, giá trị nhập khẩu cao su từ 3 thị trường này đều tăng, mức tăng lần lượt là: 15,3%, 13,4% và 50%.

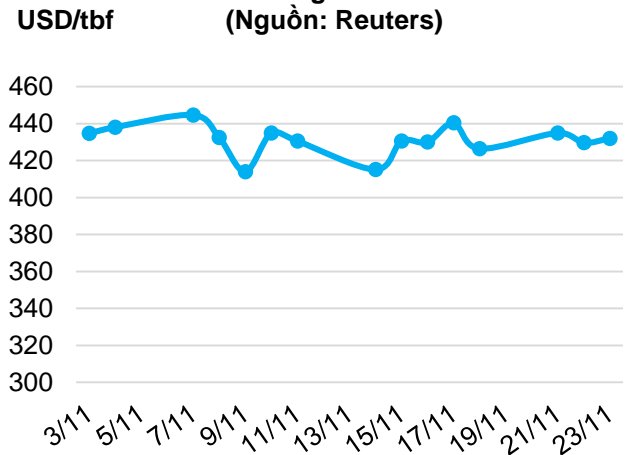




Theo Trung tâm Tin học và Thống kê (Bộ NN&PTNT), trích giá từ nguồn Reuters, giá gỗ xẻ tại sở giao dịch hàng hóa Chicago (Mỹ) tháng 11/2022 có diễn biến ổn định giá. Theo đó hợp đồng kỳ hạn tháng 1/2023, ngày 23/11 xuống còn 432 USD/tbf, giảm 2,8 USD/tbf so với đầu tháng (ngày 03/11 ở mức 434,8 USD/tbf). Giá ván xẻ Mỹ tháng 11 giảm trái chiều, giá ván xẻ trong một vài phiên giao dịch tăng nhẹ do nhiều xưởng cửa khu vực Bắc Mỹ cắt giảm năng suất sản xuất và thời gian hoạt động khiến tổng nguồn cung gỗ xẻ trong khu vực giảm mạnh.

Theo thông tin từ trang [www.furninfo.com](http://www.furninfo.com), đồ nội thất bằng gỗ sồi đang là xu hướng mới hiện nay. Ông Marcus Bontrager, Chủ tịch của Fusion Designs, một công ty hàng đầu về gỗ nguyên khối cho biết: Các đại lý hàng nội thất gỗ đang ngày càng quan tâm các thiết kế đối với nhóm gỗ nội thất bằng gỗ sồi với màu sắc và kết cấu mới, mặc dù gỗ sồi đỏ đã trở thành mặt hàng chủ lực trong dòng sản phẩm từ hàng thập kỷ nay. Nhưng hiện nay, loại gỗ này đang dần phổ biến hơn với người tiêu dùng và doanh số bán tăng lên từng ngày.

**Giá gỗ xẻ tại thị trường Chicago, Mỹ tháng 1/2023**  
(Nguồn: Reuters)



Hợp đồng kỳ hạn tháng 1/2023

**432 USD/tbf**

## Thị trường trong nước

Tháng 11/2022, giá một số loại nguyên liệu gỗ có diễn biến ổn định hoặc giảm nhẹ. Giá gỗ miền Bắc giảm, gỗ băm dăm giảm 10.000 đồng/tấn do lượng tồn ở các xưởng vẫn còn nhiều, gỗ nguyên liệu giảm mạnh mỗi tấn khoảng 50.000 đồng. Khu vực miền Trung và miền Nam do đã có đợt điều chỉnh giảm từ tháng 10/2022, và ở giai đoạn sắp hết mùa mưa lượng cung tăng hơn do vậy các nhà máy lớn có xu hướng tiếp tục giảm giá gỗ nguyên liệu. Gỗ tràm được dự báo có thể tiếp tục giảm khi tồn dăm tại các xưởng vẫn ở mức lớn.

Về thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, mặc dù đơn hàng giảm tại các thị trường lớn chủ lực tại Châu Âu. Tuy nhiên, theo số liệu thống kê xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới khu vực châu Á có diễn biến

khả quan đạt 4,3 tỷ USD trong 9 tháng năm 2022, tăng 29,9% so với cùng kỳ năm 2021 do trị giá xuất khẩu sang các thị trường chính như Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc tăng trưởng tốt. Nhất là thị trường xuất khẩu dăm gỗ và viên nén được các doanh nghiệp quan tâm và kỳ vọng phát triển mạnh trong thời gian tới. Do nhu cầu nhập khẩu dăm gỗ và viên nén gỗ tại khu vực châu Á tăng mạnh từ các thị trường chính Hàn Quốc, Nhật Bản trong bối cảnh 2 thị trường này tiếp tục thực hiện chuyển đổi từ nguồn điện than sang điện sạch, bao gồm cả điện sinh khối. Trung Quốc cũng đang có những động thái chuyển một phần nguồn điện và hệ thống sưởi chạy bằng than đá sang viên nén, khiến nhu cầu viên nén gỗ tại Trung Quốc sẽ tăng mạnh.





Thị trường thế giới

Thị trường ngô và đậu tương kỳ hạn Chicago (Mỹ) có xu thế giảm trong tháng qua.

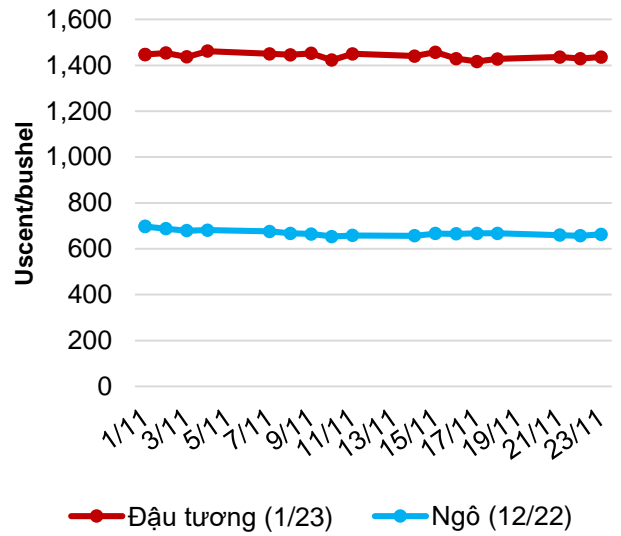
Giá đậu tương hợp đồng kỳ hạn tháng 1/2023 phiên 23/11 ở mức 1436 UScent/gia, giảm nhẹ 11,6 UScent (tương đương 0,9%) so với một tháng trước.

Giá ngô giảm mạnh hơn, với hợp đồng kỳ hạn tháng 12/2022 cuối phiên 23/11 ở mức 633,2 UScent/gia, giảm 34,4 UScent (tương đương 5,2%) so với một tháng trước.

Việc thắt chặt nguồn cung bột đậu tương sẽ thúc đẩy giá lợn hơi của Trung Quốc. Giá thịt lợn ở Quảng Đông, một trong những khu vực tiêu thụ thịt lợn lớn nhất Trung Quốc, đạt mức cao nhất trong một năm rưỡi trong thời gian gần đây và đã tăng gần 60% kể từ tháng 3/2022.

Theo dữ liệu của Hiệp hội các nhà chế biến hạt có dầu quốc gia (NOPA), lượng nghiền đậu tương hàng tháng của Mỹ đã tăng trong tháng 10/2022 và phù hợp với ước tính trung bình của các nhà phân tích, trong khi dự trữ dầu đậu tương tăng lần đầu tiên sau 8 tháng.

Giá ngô và đậu tương tại thị trường Chicago, Mỹ (nguồn: Reuters)



Dự trữ đậu tương của Trung Quốc dự báo sẽ thắt chặt hơn do sự chậm trễ của các chuyến hàng từ Mỹ làm gia tăng tình trạng thiếu hụt bột đậu tương - nguyên liệu chính trong thức ăn chăn nuôi và giữ giá thành ở mức cao kỷ lục.







Thị trường trong nước

Giá các loại nguyên liệu TACN tại thị trường Hà Nội diễn biến tăng trong tháng 11/2022 và tại Bình Phước có xu hướng ngược lại.

Cụ thể, tại Hà Nội, mặt hàng cám gạo và ngô hạt sảy tăng 300 đồng/kg lên các mức tương ứng là 9.500 đồng/kg và 9.800 đồng/kg; ngô bột và đậu tương hạt tăng 200 đồng/kg lên 10.200 đồng/kg và 19.200 đồng/kg.

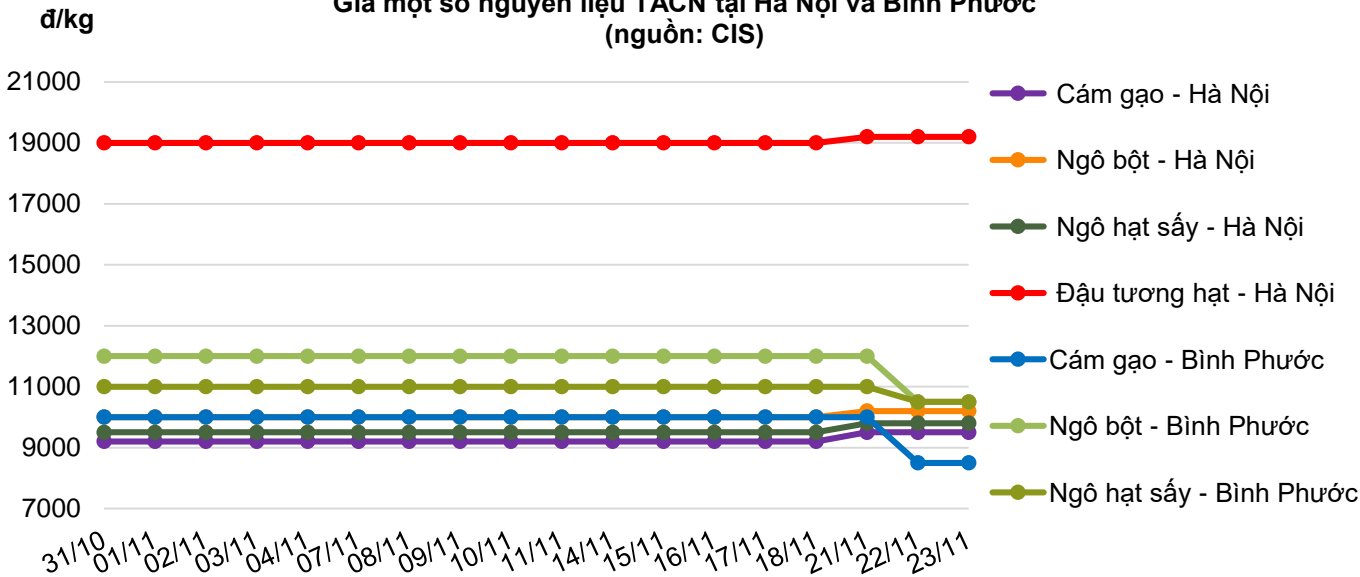
Trái lại, mặt hàng ngô bột và cám gạo tại Bình Phước giảm 1.500 đồng/kg xuống còn 10.500 đồng/kg và 8.500 đồng/kg; ngô hạt sảy giảm 500 đồng/kg còn 10.500 đồng/kg.

Theo Trung tâm Tin học và Thống kê, Bộ Nông nghiệp và PTNT, khối lượng đậu tương nhập khẩu tháng 11/2022 ước đạt 175 nghìn tấn với giá trị đạt 119,9 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị

nhập khẩu đậu tương 11 tháng đầu năm 2022 đạt 1,71 triệu tấn và 1,19 tỷ USD, giảm 5,9% về khối lượng nhưng tăng 11,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Braxin, Hoa Kỳ và Canada là 3 thị trường cung cấp đậu tương chính cho Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2022 với 96,6% thị phần.

Ước tính khối lượng ngô nhập khẩu tháng 11/2022 đạt 880 nghìn tấn với giá trị đạt 293,2 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu ngô 11 tháng đầu năm 2022 đạt 8,42 triệu tấn và 2,95 tỷ USD, giảm 11,5% về khối lượng nhưng tăng 8,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Nguồn nhập khẩu ngô của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2022 chủ yếu từ 3 thị trường: Achentina, Ấn Độ và Braxin, chiếm 81,9% thị phần. So với cùng kỳ năm 2021, giá trị nhập khẩu ngô trong 10 tháng đầu năm 2022 từ Achentina tăng 24,3%, Ấn Độ (-27%) và Braxin (-42,6%).

Giá một số nguyên liệu TACN tại Hà Nội và Bình Phước (nguồn: CIS)





## Thị trường trong nước

Hiện tại, lượng sắn lát Campuchia và Lào về Việt Nam có xu hướng tăng dần do nhu cầu tiêu thụ tăng. Điều này kéo giá sắn lát nội địa giảm đôi chút. Các thương nhân cho biết, giá sắn lát xuất khẩu của Việt Nam (hàng xuất đi Trung Quốc) được chào bán thấp hơn so với của Thái Lan khoảng 20 USD/tấn.

Do giá ngô hạt cao hơn giá sắn lát khoảng 2.000 đồng/kg nên các nhà máy TACN và Thức ăn thú y sản đang gia tăng lượng mua sắn lát. Nguồn cung sắn lát bắt đầu tăng dần lên khi nhu cầu tăng, thời tiết thuận lợi và giá ở mức khá cao. Giá bán bình quân tới các nhà máy khoảng 6.400 – 6.500 đồng/kg.

Giá sắn củ tươi tại các địa phương diễn biến từ ổn định đến giảm nhẹ trong 20 ngày tháng 11. Cụ thể, tại Tây Ninh giảm 50 đồng/kg so với cuối tháng 10, xuống còn 2.975 đồng/kg; Đắk Lắk, Kon Tum vẫn giữ ở mức 2.750 đồng/kg; Gia Lai giảm 35 đồng/kg xuống còn 2.715 đồng/kg; tại miền Trung sắn củ tươi có giá 2.575 đồng/kg và tại miền Bắc (mua xô) ở mức 2.225 đồng/kg, ổn định so với tháng trước.

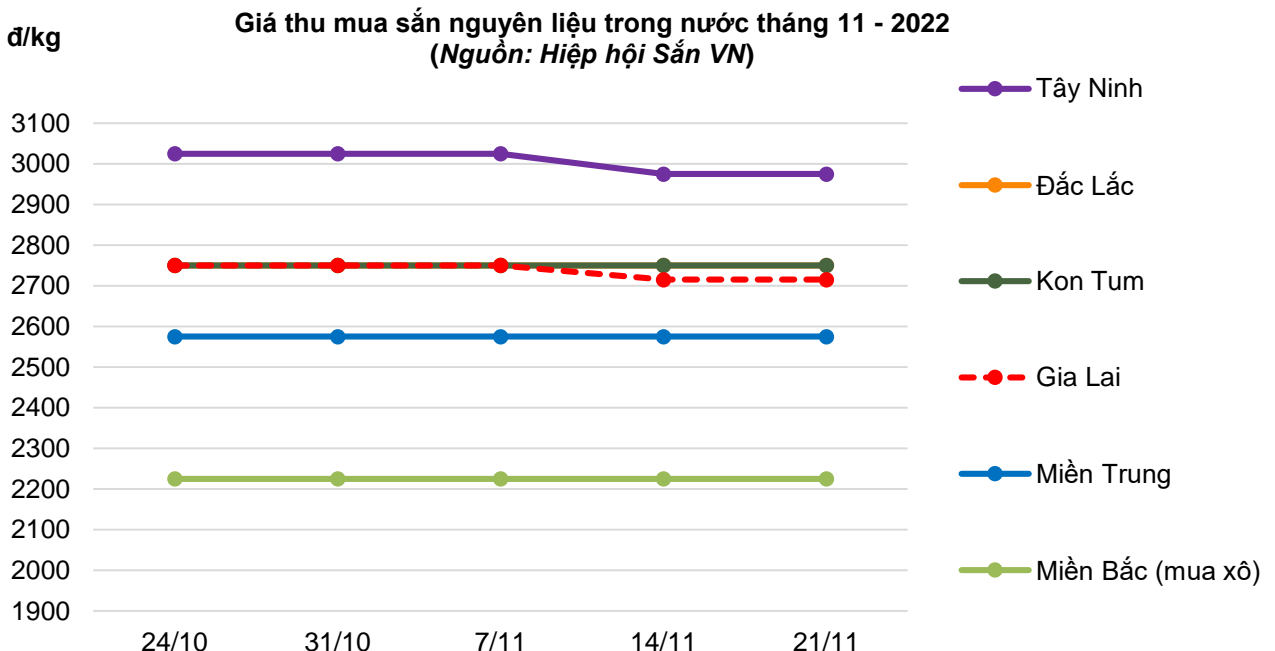
Hiện, các nhà máy Việt Nam đang chào bán tinh bột sắn xuất khẩu trong khoảng 425 – 455 USD/tấn (FOB cảng TPHCM), giảm 10-15 USD so với tháng trước. Giá sắn lát xuất khẩu ở mức 230 – 240 USD/tấn đi Trung Quốc, và 290 USD/tấn đi Hàn Quốc (FOB cảng Quy Nhơn), giảm 10 USD/tấn so với tháng trước.

Giá bán tinh bột sắn Thái Lan có diễn biến giảm trong tháng 11, hiện ở mức 485 USD/tấn FOB Bangkok, giảm 5 USD so với tháng 10.



Theo số liệu thống kê, khối lượng xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn trong tháng 11/2022 ước đạt 260 nghìn tấn với giá trị đạt 111 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn 11 tháng đầu năm 2022 ước đạt 2,82 triệu tấn và 1,24 tỷ USD, tăng 8,2% về khối lượng và tăng 16,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Giá xuất khẩu sắn và sản phẩm sắn bình quân 11 tháng đầu năm 2022 ước đạt 438 USD/tấn, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm 2021.

Trong 10 tháng năm 2022, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu sắn và sản phẩm từ sắn lớn nhất của Việt Nam, chiếm 90,9% thị phần, tăng 6,9% về khối lượng và tăng 17,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.





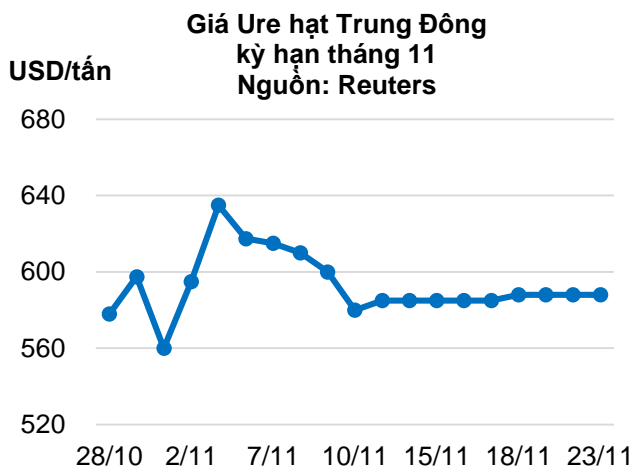


Tháng qua, giá Ure hạt Trung Đông kỳ hạn tháng 11/2022 giảm 9,5 USD/tấn xuống còn 588 USD/tấn. Lần đầu tiên, Nga trở thành nước cung cấp phân bón lớn nhất cho Ấn Độ trong nửa đầu năm tài khóa 2022/23 khi nước này quyết định giảm giá mạnh phân bón bán cho Ấn Độ so với giá trên thị trường thế giới, chiếm thị phần hơn 20% nguồn cung phân bón Ấn Độ nhập khẩu.

Trong nửa đầu năm tài khóa 2022/23 (bắt đầu từ ngày 1/4/2022), nhập khẩu phân bón của Ấn Độ từ Nga tăng vọt 371% lên mức cao kỷ lục 2,15 triệu tấn. Về giá trị, nhập khẩu phân bón của Ấn Độ trong giai đoạn trên tăng tới 765% lên 1,6 tỷ USD. Trong toàn bộ năm tài khóa trước đó, Ấn Độ nhập khẩu 1,26 triệu tấn phân bón từ Nga. Ấn Độ đang nỗ lực đảm bảo nguồn cung phân bón ở mức giá hợp lý sau khi xung đột leo thang giữa Nga và Ucraina. Nguồn cung từ Nga đúng hẹn và ở mức giá hợp lý, giúp Ấn Độ tránh được tình trạng khan hiếm.

Giá phân bón tăng vọt trên thị trường thế giới từ tháng 3/2022 trở đi sau khi các nước phương Tây áp lệnh trừng phạt lên các lô hàng phân bón từ Nga và Belarus – các nước xuất khẩu chính – trước cuộc tấn công của Nga vào Ucraina. Tổng cộng, Nga và Belarus chiếm hơn 40% tổng kim ngạch xuất khẩu Kali năm 2021. Nga chiếm khoảng 22% kim ngạch xuất khẩu ammonia toàn cầu, 14% kim ngạch xuất khẩu Ure và khoảng 14% xuất khẩu MAP – tất cả các loại phân bón chính. Có những thời điểm Ấn Độ được chiết khấu tới hơn 70 USD/tấn so với thị trường thế giới. Nga đã có một khách hàng lớn, đủ lớn để thay thế các đối tác châu Âu.

Trong tháng 6/2022, Ấn Độ đã chốt mua DAP từ Nga với giá 920 – 925 USD/tấn, giá CFR, trong khi các khách hàng châu Á khác phải mua với giá hơn 1.000 USD/tấn. Tăng nguồn cung phân bón từ Nga



cũng kéo xuất khẩu phân bón của Trung Quốc sang Ấn Độ xuống 1,78 triệu tấn trong nửa đầu năm tài khóa 2022/23. Xuất khẩu từ các nước khác như Jordan, Ai Cập và UAE sang Ấn Độ cũng giảm. Trong năm tài khóa 2021/22, thị phần của Nga trên thị trường nhập khẩu phân bón của Ấn Độ ở mức 6%, trong khi của Trung Quốc lên tới 24%. Thị phần của Nga tăng vọt lên 21% trong năm tài khóa 2022/23, vượt Trung Quốc trở thành nước cung cấp phân bón lớn nhất cho Ấn Độ. Nguồn cung từ Nga không chỉ giúp nông dân Ấn Độ mà còn cho các nước phụ thuộc nhập khẩu khác như Brazil, Argentina, Malaysia và Indonesia, đồng thời hạ giá phân bón trên thị trường thế giới.

Giá phân bón trên thị trường thế giới đã tăng mạnh khiến Ấn Độ cũng phải đa dạng hóa nguồn cung từ Nga, Trung Quốc, Ma-rốc trong khi hai nước sau có nguồn cung xuất khẩu hạn chế. Tổng kim ngạch nhập khẩu phân bón của Ấn Độ trong nửa đầu năm 2022/23 giảm 2,4% so với cùng kỳ năm tài khóa trước, xuống 10,27 triệu tấn, mặc dù giá trị nhập khẩu tăng tới 59% lên 7,4 tỷ USD.



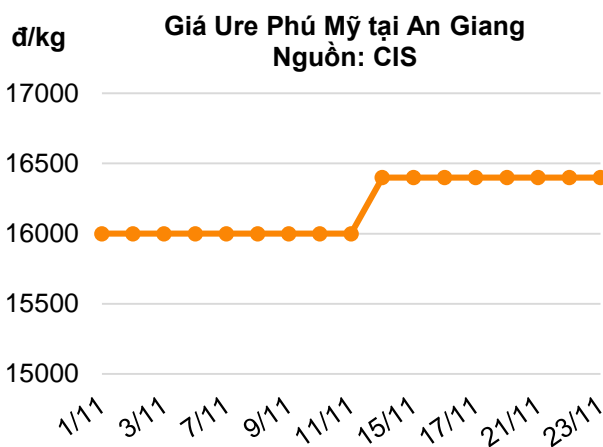


## Thị trường trong nước

Tháng qua, giá một số loại phân bón tại An Giang biến động tăng. Giá Supe lân Long Thành tăng 100 đồng/kg lên 5.600 đồng/kg. Giá Ure Phú Mỹ tăng 400 đồng/kg lên 16.400 đồng/kg. Giá các loại phân bón khác tại vùng ĐBSCL ổn định. Giá Urê Cà Mau, Phú Mỹ, Hà Bắc và nhiều loại Urê nhập khẩu từ Trung Quốc và Indonesia hiện được nhiều cửa hàng vật tư nông nghiệp bán ra ở mức 780.000 - 840.000 đồng/bao (50kg).

Tại Hà Nội, giá Ure Ninh Bình tăng 600 đồng/kg lên 17.500 đồng/kg. Lân Lâm Thao tăng 400 đồng/kg lên 4.000 đồng/kg. Kali tăng 400 đồng/kg lên 16.200 đồng/kg. Ure Phú Mỹ tăng 500 đồng/kg lên 17.500 đồng/kg.

Trong khi đó, giá nhiều loại DAP, Kali và NPK tiếp tục duy trì ở mức cao. Giá Kali Belarus loại hồng đỏ là 1,8 triệu đồng/100 kg, tăng 40% so với đầu năm. Phân bón NPK 20-20-15 Con Cò và NPK 20-20-15 TE Đầu Trâu bán tại nhiều cửa hàng ở mức 1.100.000 - 1.240.000 đồng/bao. Còn nhiều loại DAP nhập khẩu từ Trung Quốc, Nga và Hàn Quốc có giá 1.350.000 - 1.450.000 đồng/bao. Kali nhập khẩu từ Nga và Canada có giá bán lẻ tại nhiều nơi ở mức 990.000 - 1.100.000 đồng/bao.



Theo số liệu thống kê, ước tính khối lượng nhập khẩu phân bón các loại trong tháng 11 năm 2022 đạt 380 nghìn tấn với giá trị nhập khẩu đạt 190,8 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị nhập khẩu phân bón 11 tháng đầu năm 2022 đạt 3,15 triệu tấn và 1,49 triệu USD, giảm 24,4% về khối lượng nhưng tăng 15,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Nguồn phân bón các loại nhập khẩu trong 10 tháng đầu năm 2022 chủ yếu từ Trung Quốc với tỷ trọng chiếm 45%, Nga (11,9%) và Lào (6,1%). So với cùng kỳ năm 2021, giá trị nhập khẩu phân bón từ Trung Quốc tăng 19,5%, Nga (+36,9%) và Lào (+113,8%).







## LÚA GẠO

Theo báo cáo Triển vọng ngành hàng Lúa gạo tháng 11/2022 của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2022/23 dự báo giảm 1,35 triệu tấn xuống 503,7 triệu tấn (gạo xay xát), thấp hơn 2% so với một năm trước và là mức giảm hàng năm đầu tiên kể từ niên vụ 2015/16. Trong đó, sản lượng gạo toàn cầu giảm là do điều chỉnh giảm sản lượng ở El Salvador, Campuchia, Nigeria, Pakistan, Sri Lanka, Mỹ và Việt Nam không thể bù đắp bởi các dự báo tăng ở Ghana, Hàn Quốc và Ma-li.



## CAO SU

Theo Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC), sản lượng cao su tự nhiên thế giới đạt 1,435 triệu tấn trong tháng 10/2022, với khoảng 87% sản lượng được sản xuất bởi các thành viên ANRPC. Tăng trưởng nhu cầu cao su thiên nhiên toàn cầu ghi nhận ở mức 1,2% lên 1,301 triệu tấn trong cùng kỳ tham chiếu. Thị trường cao su tại các nước sản xuất lớn có xu hướng giảm giá trong tháng 10/2022.



## PHÂN BÓN

Theo Hiệp hội Phân bón Quốc tế, dự báo, nhập khẩu phân bón của Brazil sẽ ổn định hoặc giảm vào năm 2022 do giá toàn cầu tăng cao. Yếu tố cho thấy nhập khẩu có khả năng giảm là các lệnh trừng phạt đối với Nga - nhà xuất khẩu phân bón lớn - khi xung đột với Ucraina khiến giá thành tăng cao do lo ngại gián đoạn nguồn cung, dẫn đến việc Brazil gia tăng nhập khẩu từ các nước khác như Canada.



## CÀ PHÊ

Theo Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), về dài hạn, thị trường cà phê được dự đoán sẽ chịu áp lực bởi nỗi lo ngại về một cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu khiến nhu cầu tiêu thụ cà phê giảm. Bên cạnh đó, ngân hàng trung ương các nước đồng loạt tăng lãi suất khiến chi phí tài chính của các công ty nhập khẩu tăng lên khiến nhu cầu mua hàng cũng giảm.



## THỊT

Theo Ngân hàng Rabobank, Trung Quốc được dự báo tăng nhập khẩu thịt lợn trong những tháng tới, sau khi nông dân nuôi lợn thua lỗ suốt năm ngoái tại nước sản xuất thịt lợn lớn nhất thế giới này ngừng nuôi, khiến sản lượng lợn hơi có vẻ sụt giảm mạnh hơn dữ liệu công bố chính thức. Nhập khẩu thịt lợn của Trung Quốc năm 2023 sẽ cao hơn so với năm 2022.



## THỦY SẢN

Tổ chức Nông Lương Liên hiệp quốc (FAO) dự báo tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản toàn cầu tăng 1,2% trong năm 2022 lên 184,1 triệu tấn. Trong đó, sản lượng nuôi trồng thủy sản được dự báo tăng 2,6%, khai thác thủy sản giảm 0,2%. Giá trị của thương mại toàn cầu dự báo tăng đột biến 10,7% từ 174,8 tỷ USD năm 2021 lên 193,5 tỷ USD vào năm 2022.



## HỒ TIÊU

Theo Hiệp hội Hồ tiêu thế giới, dự báo, trong ngắn hạn, giá hạt tiêu thế giới sẽ giảm do đồng USD tăng mạnh và lạm phát khiến các ngân hàng trung ương trên thế giới phải tăng lãi suất.



## ĐƯỜNG

Theo Tổ chức Đường Quốc tế (ISO) dự báo sản lượng đường niên vụ 2022/23 toàn cầu sẽ tăng 5,5% so với cùng kỳ lên mức cao kỷ lục 182,1 triệu tấn. Ngoài ra, ISO dự báo rằng thị trường đường toàn cầu niên vụ 2022/23 sẽ thặng dư 6,2 triệu tấn.

GIÁ NÔNG SẢN TRUNG BÌNH THÁNG 11/2022

Loại	Phân loại	Tỉnh	Giá BQ T11 năm 2022 (đ/kg)	Giá BQ T10 năm 2022 (đ/kg)	Thay đổi T11/2022 so với T10/2022 (đ/kg)
	Hạt tiêu đen	Đồng Nai	59.750	61.667	-1.917 ▼
		Bình Phước	61.545	63.938	-2.392 ▼
	Hạt điều khô	Đồng Nai	21.000	21.000	0
		Bình Phước	30.136	30.625	-489 ▼
	Cà phê vối nhân xô	Đắk Lắk	40.376	46.408	-6.032 ▼
		Lâm Đồng	39.824	45.942	-6.118 ▼
	Chè cành	Lâm Đồng	9.317	9.333	-17 ▼
	Chè hạt	Lâm Đồng	7.167	7.100	67 ▲
	Chè búp tươi	Phú Lương-Thái Nguyên	47.500	40.000	7.500 ▲
	Chè móc câu	Phú Lương-Thái Nguyên	300.000	250.000	50.000 ▲
	Chè đình	Phú Lương-Thái Nguyên	2.000.000	2.000.000	0
	Chè nởn	Phú Lương-Thái Nguyên	725.000	500.000	225.000 ▲
	Lúa ứót IR50404	An Giang	6.388	5.425	963 ▲
		Vĩnh Long	5.700	5.700	0
	Gạo thường	An Giang	11.500	11.500	0
	Gạo IR50404	Vĩnh Long	11.000	11.000	0
	Cá tra	Vĩnh Long	29.889	29.938	-49 ▼
		An Giang	28.000	28.875	-875 ▼
	Tôm sú 30 con/kg	Bạc Liêu	300.000	320.000	-20.000 ▼
		Kiên Giang	195.000	188.750	6.250 ▲





## GIÁ NÔNG SẢN TRUNG BÌNH THÁNG 11/2022

Loại	Phân loại	Tỉnh	Giá BQ T11 năm 2022 (đ/kg)	Giá BQ T10 năm 2022 (đ/kg)	Thay đổi T11/2022 so với T10/2022 (đ/kg)
	Lợn hơi	Đồng Nai	59.250	60.833	-1.583 ▼
	Bò hơi	Đồng Nai	78.750	79.333	-583 ▼
	Gà Lông màu	Đồng Nai	34.500	38.333	-3.833 ▼
	Gà công nghiệp Lông trắng	Đồng Nai	29.000	31.667	-2.667 ▼
	Xà lách lolo xanh	Lâm Đồng	10.000	7.333	2.667 ▲
	Xà lách cuộn	Lâm Đồng	12.000	9.000	3.000 ▲
	Xà lách Coron	Lâm Đồng	11.333	12.000	-667 ▼
	Su su	Lâm Đồng	6.000	3.200	2.800 ▲
	Cải thảo	Lâm Đồng	4.000	4.000	0
	Bắp cải trắng loại 1	Lâm Đồng	3.233	3.200	33 ▲
	Cà chua (giống Rita)	Lâm Đồng	12.333	17.667	-5.333 ▼
	Su hào củ loại 1	Lâm Đồng	8.000	8.000	0
	Hành hoa	Lâm Đồng	15.000	11.333	3.667 ▲
	Củ dền loại 1	Lâm Đồng	12.000	8.000	4.000 ▲
	Ớt sừng	Lâm Đồng	14.667	17.000	-2.333 ▼
	Ớt chuông Đà Lạt màu đỏ	Lâm Đồng	35.500	31.667	3.833 ▲
	Ớt chuông Đà Lạt màu vàng	Lâm Đồng	35.500	34.333	1.167 ▲
	Đậu cô ve	Lâm Đồng	13.000	11.667	1.333 ▲



Loại	Phân loại	Tỉnh	Giá BQ T11 năm 2022 (đ/kg)	Giá BQ T10 năm 2022 (đ/kg)	Thay đổi T11/2022 so với T10/2022 (đ/kg)
	Xoài cát chu	Tiền Giang	24.294	30.846	-6.552 ▼
		Vĩnh Long	27.778	27.250	528 ▲
	Xoài cát Hòa Lộc	Tiền Giang	59.471	65.000	-5.529 ▼
	Thanh long ruột đỏ	Tiền Giang	23.824	19.385	4.439 ▲
	Thanh long ruột trắng	Tiền Giang	16.353	15.846	507 ▲
	Sầu riêng Ri6 loại 1	Tiền Giang	85.000	76.923	8.077 ▲

**Lưu ý sử dụng thông tin:** Đây là bản tin được phát hành hàng tuần nhằm phục vụ nhu cầu thông tin thị trường cho các cơ quan quản lý nhà nước, các địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp và bà con nông dân. Những thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo và khuyến nghị. Ban biên tập rất mong nhận được sự góp ý, phản hồi, trao đổi thông tin nhằm giúp Bản tin đạt được chất lượng tốt hơn.

Mọi thông tin xin liên hệ: Phòng Công thông tin điện tử - Trung tâm Tin học và Thống kê - Điện thoại: +84 (0)24 37341635 ( máy lẻ 208, 205) - Email: trangtin@mard.gov.vn